

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Báo cáo tài chính

*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
đã được soát xét*

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-20
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên
Ông Phan Thông	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Cự	Ủy viên
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thông	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc
Tp HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2011



Số: 1082/2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được lập ngày 28 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2011

Vũ Xuân Biền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

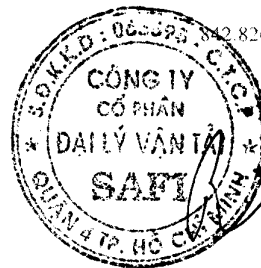
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		70.372.478.195	78.217.459.687
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.900.117.456	46.531.209.773
111	1. Tiền		25.900.117.456	29.031.209.773
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	17.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.178.307.940	26.427.932.293
131	1. Phải thu của khách hàng		7.887.513.570	8.104.009.442
132	2. Trả trước cho người bán		472.712.019	230.871.817
135	5. Các khoản phải thu khác	4	16.818.082.351	18.093.051.034
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.294.052.799	5.258.317.621
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		245.055.654	292.531.976
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		45.660.727	156.164.227
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5	4.003.336.418	4.809.621.418
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		120.226.027.276	122.733.560.576
220	II. Tài sản cố định		101.061.523.022	104.734.144.700
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	89.423.267.776	91.460.977.924
222	- Nguyên giá		108.507.710.526	108.497.204.814
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.084.442.750)	(17.036.226.890)
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	9.616.799.501	9.683.230.739
228	- Nguyên giá		9.882.524.453	9.882.524.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(265.724.952)	(199.293.714)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	2.021.455.745	3.589.936.037
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	17.999.415.876	17.999.415.876
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.657.473.876	8.657.473.876
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.736.380.000	7.736.380.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.165.088.378	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.165.088.378	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		190.598.505.471	200.951.020.263

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		71.903.648.588	74.947.554.566
310	I. Nợ ngắn hạn		71.595.503.884	74.712.683.805
312	2. Phải trả người bán		17.007.296.464	18.059.587.499
313	3. Người mua trả tiền trước		12.252.105.045	12.056.712.989
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.848.725.538	2.366.847.055
315	5. Phải trả người lao động		1.410.052.698	5.979.236.055
316	6. Chi phí phải trả		46.800.000	79.527.273
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	36.716.967.078	35.333.223.062
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.313.557.061	837.549.872
330	II. Nợ dài hạn		308.144.704	234.870.761
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		308.144.704	234.870.761
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		118.694.856.883	126.003.465.697
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	118.694.856.883	126.003.465.697
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	82.899.818.054
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	1.361.753.272
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.264.374.396	5.198.067.208
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.105.448.167)	2.907.714.563
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		190.598.505.471	200.951.020.263

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
I. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		842.826,05	884.139,65



Võ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

(Handwritten signature of Võ Thị Phương Lan)

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	62.760.010.802	54.059.636.026
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.760.010.802	54.059.636.026
11	4. Giá vốn hàng bán	15	52.216.826.363	46.909.889.105
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.543.184.439	7.149.746.921
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	3.566.916.123	3.974.488.830
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.373.114.458	3.360.566.190
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		10.736.986.104	7.763.669.561
31	11. Thu nhập khác		-	231.818.182
40	13. Lợi nhuận khác		-	231.818.182
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.736.986.104	7.995.487.743
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	2.182.562.957	1.670.483.471
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.554.423.147	6.325.004.272



Võ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2011

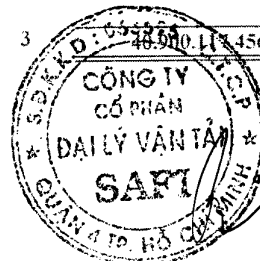
NGA 23 10/1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.736.986.104	7.995.487.743
02	Khấu hao tài sản cố định		2.122.037.562	2.062.338.655
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.165.746.872)	(2.567.363.696)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.693.276.794	7.490.462.702
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		1.364.127.853	(10.997.570.339)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.973.753.997)	10.893.469.534
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.117.612.056)	(214.342.306)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.801.996.070)	(1.906.971.177)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.904.894.787	1.784.477.901
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.392.585.000)	(1.312.665.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.676.352.311	5.736.861.315
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác		(38.220.000)	(3.406.869.086)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác		-	231.818.182
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	100.561.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.165.746.872	2.335.545.514
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.127.526.872	(738.944.390)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.434.971.500)	(4.144.990.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.434.971.500)	(4.144.990.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.631.092.317)	852.926.425
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		46.531.209.773	43.821.528.924
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	40.900.117.456	44.674.455.349



Võ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 82.899.818.054 đồng. Tương đương 8.289.981 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Hải Phòng	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Hà Nội	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Quy Nhơn	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Vũng Tàu	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
<u>Xí nghiệp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Xí nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phòng	Tp. HCM	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty
<u>Điểm kinh doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Kho hàng Safi	Tp. HCM	Hoạt động theo ngành nghề của Công ty

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998 và Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;



- Mua bán: Thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m² đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thù, Phường Đakao, quận 1, Tp Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, đường số 2, Khu công nghiệp Đà Nẵng, Tp Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ chưa được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11/02/11
CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
HỢP TÁC XÃ
SAFI

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.268.905.975	3.813.967.033
Tiền gửi ngân hàng	22.631.211.481	25.217.242.740
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	17.500.000.000
	<u>40.900.117.456</u>	<u>46.531.209.773</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu cước xuất phòng Air	12.140.773.790	14.709.006.811
Phải thu cước xuất phòng Sea	2.618.721.109	1.455.220.010
Phải thu cước THC phòng Sea	-	226.129.100
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	959.102.599	787.527.167
Phải thu khác	1.099.484.853	915.167.946
	<u>16.818.082.351</u>	<u>18.093.051.034</u>

5 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.898.000.000	1.902.000.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.105.336.418	2.907.621.418
	<u>4.003.336.418</u>	<u>4.809.621.418</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	86.800.204.854	21.302.945.776	394.054.184	108.497.204.814
Số tăng trong kỳ	-	-	38.220.000	38.220.000
- Mua sắm mới			38.220.000	38.220.000
Số giảm trong kỳ	-	(27.714.288)	-	(27.714.288)
- Giảm khác		(27.714.288)		(27.714.288)
Số dư cuối kỳ	86.800.204.854	21.275.231.488	432.274.184	108.507.710.526
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	10.601.886.091	6.241.195.310	193.145.489	17.036.226.890
Số tăng trong kỳ	1.071.896.826	947.768.984	35.940.514	2.055.606.324
- Trích khấu hao	1.071.896.826	947.768.984	35.940.514	2.055.606.324
Số giảm trong kỳ	-	(7.390.464)	-	(7.390.464)
- Giảm khác		(7.390.464)		(7.390.464)
Số dư cuối kỳ	11.673.782.917	7.181.573.830	229.086.003	19.084.442.750
Giá trị còn lại				
Đầu kỳ	76.198.318.763	15.061.750.466	200.908.695	91.460.977.924
Cuối kỳ	75.126.421.937	14.093.657.658	203.188.181	89.423.267.776
Trong đó				
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.136.364.976 đồng.				



7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	9.882.524.453
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>9.882.524.453</u>
Giá trị đã hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	199.293.714
Số tăng trong kỳ	66.431.238
- Trích khấu hao	66.431.238
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>265.724.952</u>
Giá trị còn lại	
Đầu năm	9.683.230.739
Cuối kỳ	<u>9.616.799.501</u>

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.021.455.745	1.431.053.527
- Tòa nhà Văn phòng Công ty	2.021.455.745	1.431.053.527
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2.158.882.510
- Kho Quận 7 - Tp. HCM	-	1.455.500.000
- Kho tại Tp. Đà Nẵng	-	703.382.510
	<u>2.021.455.745</u>	<u>3.589.936.037</u>

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	8.657.473.876	8.657.473.876
- Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi	5.029.129.876	5.029.129.876
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	3.628.344.000	3.628.344.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	7.736.380.000	7.736.380.000
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	4.350.780.000	4.350.780.000
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	3.385.600.000
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	1.605.562.000
	<u>17.999.415.876</u>	<u>17.999.415.876</u>

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2011 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi (*)	Tp HCM	51.00%	51.00%	Đại lý vận tải
Công ty TNHH SITC Việt Nam (**)	Hải Phòng	51.00%	51.00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(*) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi với Công ty Freightworld Pte.Ltd và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000232 chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2008 vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 306.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(**) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi với Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited và Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000145 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty TNHH SITC Việt Nam là 400.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 204.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited góp 196.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2011 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) (*)	TP HCM	45.00%	45.00%	Dịch vụ GN quốc tế và KD vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam (**)	TP HCM	23.00%	23.00%	DV vận tải, kho vận và giao nhận

(*) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyên giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea service (Bên C) vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(**) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Công ty Vinalines	1.500.000.000	1.500.000.000
Thẻ hội viên Golf	100.562.000	100.562.000
	1.605.562.000	1.605.562.000

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.165.088.378	-
	1.165.088.378	-

53.
 TỶ
 HỮU V
 TỰ V
 KẾT
 M T
 TIỀN

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	548.776.883	456.131.130
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	650.635.215	1.270.068.328
Thuế Thu nhập cá nhân	649.313.440	640.647.597
	1.848.725.538	2.366.847.055

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	648.117.660	568.949.189
Bảo hiểm xã hội	154.050.786	80.626.555
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	162.000.000	162.000.000
Phải trả, phải nộp khác	35.752.798.632	34.521.647.318
- Phải trả cước nhập các hãng đại lý	25.386.850.050	22.569.058.755
- Chi nhánh Hà Nội	3.680.689.254	3.216.876.513
- Chi nhánh Đà Nẵng	2.301.559.878	3.892.200.301
- Chi nhánh Hải Phòng	849.920.113	1.659.320.850
- Chi nhánh Quy Nhơn	820.255.101	862.119.271
- Thuế cước	160.845	160.845
- Khác	2.713.363.391	2.321.910.783
	36.716.967.078	35.333.223.062



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của	Thặng dư vốn cổ	Chênh lệch tỷ	Quỹ đầu tư phát	Quỹ dự phòng tài	Lợi nhuận chưa	Cộng
	Chủ sở hữu	phần	giá hối đoái	triển	chính	phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	82.899.818.054	33.636.112.600	1.361.753.272	-	5.198.067.208	2.907.714.563	126.003.465.697
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	8.554.423.147	8.554.423.147
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	(12.434.971.500)	(12.434.971.500)
Trích các quỹ (2)	-	-	-	4.095.486.009	2.066.307.188	(8.228.100.386)	(2.066.307.189)
Hoàn nhập số dư CLTG đầu kỳ	-	-	(1.361.753.272)	-	-	-	(1.361.753.272)
Khác (1)	-	-	-	(4.095.486.009)	-	4.095.486.009	-
Số dư cuối kỳ	82.899.818.054	33.636.112.600	-	-	7.264.374.396	(5.105.448.167)	118.694.856.883

(1) Công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm để bù đắp lợi nhuận chưa phân phối bị âm do ảnh hưởng của việc Công ty tăng vốn chủ sở hữu từ Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01-2011/NQ-ĐHĐCD ngày 15 tháng 04 năm 2011, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2010	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
<i>Trong đó phân phối cụ thể:</i>		20.663.071.886
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính		2.066.307.188
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển		4.095.486.009
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.066.307.189
- Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi CP nhận 1.500 đ)	15%	12.434.971.500

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	11.782.437.711	14.21%	11.782.437.711	14.21%
Vốn góp của đối tượng khác	71.117.380.343	85.79%	71.117.380.343	85.79%
	82.899.818.054	100%	82.899.818.054	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.899.818.054	82.899.818.054
- Vốn góp đầu kỳ	82.899.818.054	82.899.818.054
- Vốn góp cuối kỳ	82.899.818.054	82.899.818.054
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.434.971.500	4.144.990.500
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	12.434.971.500	4.144.990.500

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.289.981	8.289.981
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.289.981	8.289.981
- Cổ phiếu phổ thông	8.289.981	8.289.981
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.289.981	8.289.981
- Cổ phiếu phổ thông	8.289.981	8.289.981
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	7.264.374.396	5.198.067.208
	7.264.374.396	5.198.067.208

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.760.010.802	54.059.636.026
	62.760.010.802	54.059.636.026

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.216.826.363	46.909.889.105
	52.216.826.363	46.909.889.105



16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.159.012.594	949.991.655
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.006.734.278	1.385.553.859
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	401.169.251	1.638.943.316
	<u>3.566.916.123</u>	<u>3.974.488.830</u>

17 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

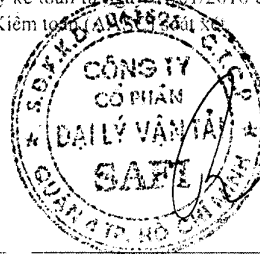
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.736.986.104	7.995.487.743
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	72.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	72.000.000
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ	-	72.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.006.734.278)	(1.385.553.859)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.006.734.278)	(1.385.553.859)
Tổng lợi nhuận tính thuế	8.730.251.826	6.681.933.884
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.182.562.957	1.670.483.471
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.182.562.957</u>	<u>1.670.483.471</u>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.270.068.328	1.361.613.234
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.801.996.070)	(1.906.971.177)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	<u>650.635.215</u>	<u>1.125.125.528</u>

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

19 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán



Võ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2011